

Số: /GPMT-CNCCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHỆ CAO VÀ KHU CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 25/02/2025 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thành lập, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Công ty TNHH TOHO Việt Nam tại Văn bản số CV/TOHO-015-2024-12 ngày 30/12/2024, số CV/TOHO-009/2025-08 ngày 28/8/2025 về việc đề nghị cấp phép môi trường của cơ sở “Công ty TNHH TOHO Việt Nam” tại Lô B1, Khu công nghiệp Thăng Long, xã Thiên Lộc, thành phố Hà Nội và các tài liệu liên quan;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Xây dựng và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH TOHO Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính: Lô B1, Khu công nghiệp Thăng Long, xã Thiên Lộc, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở: “Công ty TNHH TOHO Việt Nam” tại Lô B1, Khu công nghiệp Thăng Long, xã Thiên Lộc, thành phố Hà Nội với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Công ty TNHH TOHO Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô B1, Khu công nghiệp Thăng Long, xã Thiên Lộc, thành phố Hà Nội.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên mã số doanh nghiệp: 0101344920, đăng ký lần đầu ngày 01/10/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 12/05/2022, nơi cấp: phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

1.4. Mã số thuế: 0101344920.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Thiết kế chế tạo, bảo dưỡng và làm lại khuôn; Thiết kế các sản phẩm nhựa, sản xuất các sản phẩm kim loại và đồ gá lắp.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích dự án: 13.535 m² (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 916263 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 09/02/2012).

- Tổng mức đầu tư: 282.132.700.000 đồng (Hai trăm tám mươi hai tỷ một trăm ba mươi hai triệu bảy trăm nghìn đồng./.).

- Quy mô: nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); nhóm III (theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

- Công suất: Sản xuất khuôn, sửa chữa bảo dưỡng khuôn: 2.000 khuôn/ năm

(Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 12043000135 do Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (nay là Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội) chứng nhận lần đầu ngày 01/10/2008, chứng nhận thay đổi lần thứ 6 ngày 04/08/2022).

- Quy trình sản xuất:

Quy trình sản xuất, bảo dưỡng và sửa chữa khuôn: Nguyên liệu (thép) → Cưa → Phay → Mài phẳng → Gia công CNC (điện cực đồng) → Gia công CNC (điện cực than chì) → Gia công CNC → Đục lỗ, tiện ren → Cắt dây → Gia công phóng điện → Đo → Hàn laser → Hàn hồ quang → Đánh bóng → Lắp ráp, kiểm tra khuôn → Sản phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện đấu nối, xử lý nước thải và các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH TOHO Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ: Theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất thải không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội, cơ quan chức năng nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội để được hướng dẫn.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Phòng Xây dựng và Môi trường tham mưu để phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội, UBND xã Thiên Lộc và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố
- PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền
- PCT UBND TP Nguyễn Trọng Đông (để b/c);
- Văn phòng UBNDTP
- Trưởng ban
- Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội (để ph/h);
- UBND xã Thiên Lộc
- Phòng CS&TT (để đăng tải lên Trang thông tin điện tử của Ban Quản lý);
- Phòng KHĐT, QLDN;
- Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng long;
- Công ty TNHH TOHO Việt Nam;
- Lưu: VT, XDMT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Đinh Trần Quân

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-CNCCN ngày / /2025 của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn thải số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của nhà xưởng.

+ Nguồn thải số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà ăn của nhà xưởng

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường 2020 (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thăng Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường 2020, không xả trực tiếp ra môi trường).

- Công ty TNHH TOHO Việt Nam đã ký Hợp đồng thuê và sử dụng tiện ích số TLIP - UA - 013 ngày 27/12/2002 với Công ty Khu công nghiệp Thăng Long (Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Thăng Long).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1 Mạng lưới thu gom nước thải:

- Hệ thống thu gom nước thải tách biệt hoàn toàn với hệ thống thu gom nước mưa.

- Mạng lưới thu gom nước thải:

+ Nguồn thải số 1: Nước thải từ các khu nhà vệ sinh nhà xưởng → đường ống HDPE DN110 (L=250m) → Hệ thống xử lý nước thải công suất 20m³/ngày.đêm.

+ Nguồn thải số 2: Nước thải từ nhà ăn → đường ống PVC 100A (L=1m) → Bể tách mỡ (V= 0,5m³), số lượng 1 bể → Đường ống 100^a (L=5m) → Đường nước thải sinh hoạt của công ty → Hệ thống xử lý nước thải công suất 20m³/ngày. đêm.

Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sẽ được chảy ra bể xả thải (V=1.7m³) và đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Thăng Long để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 11.000 m³/ngày đêm, tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường.

- Tọa độ vị trí đầu nối X (m) = 2 335 929; Y (m) = 580 942.

(Theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105⁰⁰, múi chiếu 3^o).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt (sau xử lý sơ bộ) → Giỏ tách rác → Bể gom (V= 30m³) → Bể khử Nitơ (V= 7m³) → Bể Nitrat hóa (V= 11m³) → Bể lắng (V= 1,7m³) → Bể xả thải (V= 1,7m³) → Hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Thăng Long.

- Công suất thiết kế: 20 m³/ngày đêm;
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clo viên, methanol.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho từng hệ thống xử lý nước thải; thường xuyên kiểm tra tình trạng nước thải tại điểm đầu nối; bố trí nhân viên có chuyên môn phụ trách vận hành các hệ thống xử lý nước thải.

- Có các biện pháp ứng phó sự cố khi thiết bị của hệ thống xử lý nước thải hỏng, không thể vận hành, ống thu gom nước thải bị vỡ, rò rỉ, sự cố vận hành, nước thải sau xử lý không đạt tiêu chuẩn đầu nối của Khu công nghiệp Thăng Long,...

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: trong vòng 06 tháng kể từ ngày ký giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất thiết kế 20 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại hố ga chứa nước thải chảy vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Thăng Long

2.2.2. Thông số và giá trị giới hạn cho phép của các thông số: Theo tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Thăng Long.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại điểm c Khoản 8 Điều 1 Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Thăng Long, không xả trực tiếp ra môi trường dưới mọi hình thức.

3.2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Thăng Long để tiếp tục xử lý.

3.3. Vận hành hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành cơ sở.

3.4. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải cho cơ quan cấp giấy phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải để theo dõi, giám sát.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7, 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

3.6. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải 20 ngày.

3.7. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải và các công trình ứng phó sự cố đối với nước thải.

PHỤ LỤC 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT- CNCCN ngày / /2025 của Ban
 Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)

A. NỘI DUNG VỀ CẤP PHÉP TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Từ hoạt động của máy phát điện dự phòng
- Nguồn số 02: Từ hoạt động của khu vực máy máy cưa
- Nguồn số 03: Từ hoạt động của khu vực máy phay
- Nguồn số 04: Từ hoạt động của khu vực máy mài phẳng
- Nguồn số 05: Từ hoạt động của khu vực máy máy CNC
- Nguồn số 06: Từ hoạt động của khu vực máy máy cắt
- Nguồn số 07: Từ hoạt động của máy móc, thiết bị tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 20 m³/ngày đêm

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°, múi chiếu 3°) như sau:

- Nguồn số 01: Tọa độ: X = 2 336 801; Y = 580 546
- Nguồn số 02: Tọa độ: X = 2 336 814; Y = 580 543
- Nguồn số 03: Tọa độ: X = 2 336 792; Y = 579 968
- Nguồn số 04: Tọa độ: X = 2 336 816; Y = 580 532
- Nguồn số 05: Tọa độ: X = 2 336 821; Y = 580 545
- Nguồn số 06: Tọa độ: X = 2 336 813; Y = 580 538
- Nguồn số 07: Tọa độ: X = 2 336 643; Y = 528 641

3. Tiếng ồn, độ rung: phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6h-18h	Từ 18h-22h	Từ 22h-6h		
1	70	65	60	-	Khu vực E

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-22 giờ	Từ 22-6 giờ		
1	75	70	-	Khu vực D

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Sử dụng máy móc, thiết bị có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo các thông số kỹ thuật.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Lắp đặt máy móc, thiết bị đúng yêu cầu kỹ thuật nhằm làm giảm chấn động khi hoạt động như: Lắp đặt các đệm chống ồn. Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các máy móc thiết bị có khả năng gây ồn lớn trong cùng một khu vực. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, bảo đảm động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại các khu vực tiếng ồn lớn như nút tai chống ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Thường xuyên kiểm tra máy móc, độ mòn các chi tiết máy, luôn tra dầu mỡ, bôi trơn các máy, bảo dưỡng các thiết bị và thay thế các chi tiết bào mòn.

2. Các yêu cầu bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

PHỤ LỤC 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT- CNCCN ngày / /2025 của Ban
Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình	07 03 05	5.650
	Tổng		5.650

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Vật thể dùng để mài đã qua sử dụng có các thành phần nguy hại (ví dụ đá mài, giấy ráp...)	07 03 10	300
2	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác.	07 03 11	8.000
3	Các vật liệu mài dạng hạt thải có các thành phần nguy hại (cát, bột mài...)	07 03 08	800
4	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải.	18 01 02	300
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	18 02 01	910
6	Hộp mực in thải.	08 02 04	5
	Tổng		10.315

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Bavia thải, phế phẩm, Giấy vụn, bì carton, vỏ bao bì đựng nguyên liệu (<i>không kể bao bì đựng hóa chất</i>), sản phẩm, bùn mài thải,...	21,9
2	Bùn từ bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	1,2
	Tổng	23,1

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trung bình: 93 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

Chất thải công nghiệp phải kiểm soát được quản lý như chất thải nguy hại.

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Tại các khu vực lưu chứa bố trí các thùng chứa dung tích chứa 200 lít/ thùng, các thùng chứa được dán nhãn, mã CTNH theo quy định.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Số lượng: 02

- Diện tích và vị trí khu vực lưu chứa: 9m² nằm ngoài khu vực nhà xưởng và 20m² nằm trong khu vực nhà xưởng

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Có cửa kín, mái bằng tôn, sàn bằng bê tông có khả năng chống thấm, có rãnh, hố thu gom dầu thải; Khu vực lưu chứa có biển cảnh báo khu vực lưu giữ CTNH và trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định.

2.1.3. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa bằng nhựa có dung tích từ 200-240 lít

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Số lượng: 02

- Diện tích khu vực lưu chứa: 8,5m² và 10m².

- Vị trí: nằm ngoài khu vực nhà xưởng

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Có cửa kín, mái che bằng tôn, sàn bằng bê tông, khu vực lưu chứa có biển cảnh báo và bố trí thiết bị PCCC theo quy định.

2.2.3. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Tại khu vực văn phòng có bố trí các thùng bằng nhựa, có nắp đậy kín, dung tích từ 60 lít/thùng, cuối ngày được nhân viên thu gom, phân loại và đưa về 02 xe đẩy dung tích 500lít/xe tập kết rác thải sinh hoạt trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Số lượng: 01
- Diện tích khu vực lưu chứa: 8,5 m²
- Vị trí: nằm ngoài khu vực nhà xưởng
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Có cửa kín, mái che bằng tôn, sàn bằng bê tông, khu vực lưu chứa có biển cảnh báo

2.3.3. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng và thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, đảm bảo không được gây ô nhiễm môi trường và thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường để có biện pháp khắc phục kịp thời.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

PHỤ LỤC 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-CNCCN ngày / /2025 của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu vệ sinh môi trường và theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp phải kiểm soát và chất thải nguy hại theo quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp phân loại rác thải tại nguồn.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn vệ sinh thực phẩm, quản lý hóa chất và phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ theo quy định hiện hành.

3. Công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường).

5. Thực hiện đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh, cấp đổi giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.